

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2017.

V/v ly hôn giữa chị T và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Khuy.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu;

2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2017 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXX-ST ngày 07/9/2017 Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 10, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T: Bà Bùi Thị Thanh T và Ông Phạm Văn S - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình (có mặt).

Bị đơn: Anh Đặng Thanh H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn 10, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn ngày 27/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Tôi và anh Đặng Thanh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã G ngày 09/06/1995 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Đến ngày 03/11/2009 chúng tôi chuyển đến sinh sống tại thôn 10, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Từ khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến khi tôi phát hiện ra anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác thì vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, chúng tôi đã chấm dứt quan hệ sinh lý vợ chồng khoảng thời gian 05 năm nay. Nay tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, vợ chồng không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đặng Thanh H để ổn định cuộc sống yên tâm làm ăn nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Đặng Thanh Đ, sinh ngày 21/02/1997, cháu Đặng Thị Thanh H, sinh ngày 08/07/2009, cháu Đặng Thanh T, sinh ngày 23/02/2011. Hiện nay cháu Đ đã lấy vợ nhưng cả 03 cháu đều đang ở với tôi. Nếu được ly hôn thì tôi xin nuôi 02 cháu nhỏ chưa đủ 18 tuổi là cháu H và cháu T vì các cháu đã ở với tôi từ khi các cháu sinh ra cho đến nay. Tôi không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Ngày 11/4/2017 tôi có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng và nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật, nhưng ngày 12/4/2017 tôi lại rút yêu cầu về việc chia tài sản chung và sau đó dưới sự giúp đỡ của các trợ giúp viên pháp lý, vợ chồng tôi đã tự chia toàn bộ tài sản chung của vợ chồng, trong đó chúng tôi đã cho cháu Đặng Thanh Đ một phần tài sản vì cháu đã có vợ và đã có con.

Về công nợ chung: Chúng tôi đã thỏa thuận giải quyết xong toàn bộ công nợ chung của vợ chồng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền sử dụng đất canh tác chung: Không có nên tôi cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của anh Đặng Thanh H: Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bổ sung của anh H ngày 08/5/2017 và quá trình thu thập chứng cứ vụ án anh H trình bày: Về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống, diễn biến các quan hệ về tình cảm vợ chồng, con chung, tài sản chung, công nợ chung phát sinh trong quá trình kết hôn giữa chị T và anh H phù hợp với ý kiến trình bày của chị T. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn anh H xác định là do: Cô T cũng là người có quan hệ ngoại tình với người khác, nhưng đến nay thì tôi không có chứng cứ về việc này để nộp cho Tòa án. Nay cô T yêu cầu ly hôn tôi hoàn toàn nhất trí vì tình cảm vợ chồng giữa tôi và cô T không còn; về con chung: Tôi đề nghị Tòa án cho tôi được nuôi cháu cháu Đặng Thị Thanh H vì tôi là bố của cháu tôi phải nuôi dạy cháu trưởng thành.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H, xin được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con vì lý do: Các cháu đã ở với chị T từ khi các cháu được sinh ra cho đến nay, trong rất nhiều năm gần đây anh H rất ít khi về với mẹ con chị, chỉ khi các cháu bị ốm chị gọi thì anh H mới về. Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và công nợ chung; Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T: Để đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ và trẻ em đề nghị Tòa án xử ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Đặng Thanh H và đề nghị giao 02 con chung chưa đủ 18 tuổi hiện nay đang ở với chị T là các cháu Đặng Thị Thanh Hương, sinh ngày 08/07/2009 và cháu Đặng Thanh Trường, sinh ngày

23/02/2011 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; ý kiến của anh H: Nếu anh H được nuôi cháu Hương thì anh mới đồng ý ly hôn với chị T. Về tài sản chung, công nợ chung anh H nhất trí như ý kiến của chị T.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T về việc : Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng chị Bùi Thị T và anh Đặng Thanh H khi ly hôn.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Đặng Thanh H;

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung chưa đủ 18 tuổi của chị T và anh H hiện nay đang ở với chị T là các cháu: Đặng Thị Thanh H, sinh ngày 08/07/2009 và Đặng Thanh T, sinh ngày 23/02/2011 cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về công nợ chung: Các đương sự xác định đã giải quyết xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quyền sử dụng đất canh tác chung: Các đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu của chị Bùi Thị T: Yêu cầu ly hôn với anh Đặng Thanh H và yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung chưa thành niên. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Đặng Thanh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã G ngày 09/06/1995, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị T sống chung với nhau tại xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Đến ngày 03/11/2009 thì chuyển khẩu đến sinh sống tại thôn 10, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng chị T, anh H đã sống hạnh phúc với nhau và đã cùng nhau sinh được 03 người con chung, nhưng kể từ sau khi chị T sinh con thứ ba thì mâu thuẫn giữa họ phát sinh. Nguyên nhân chủ yếu là do họ có những biểu hiện dẫn đến hai bên không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm vợ chồng. Chị T cho rằng anh H có

quan hệ ngoại tình và anh H thì cũng cho rằng chị T cũng có quan hệ ngoại tình, từ đó hai người luôn cãi chửi, đánh nhau, chính quyền thôn, xã P, huyện N đã rất nhiều lần phải giải quyết nhưng không có hiệu quả. Trong nhiều năm nay anh H đi lái xe thuê rất ít khi về sinh hoạt gia đình cùng mẹ con chị T. Điều này được chứng minh qua lời khai của chị T, anh H và kết xác minh tại UBND xã P (BL: 1, 2, 19, 20, 33, 58, 59, 65, 66, 68, 69) Đủ chứng cứ để khẳng định: Mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh H đã thực sự sâu sắc, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình hòa giải tại Tòa án chị T, anh H yêu cầu Tòa án chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa họ. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh chỉ đồng ý ly hôn với chị T nếu như anh được nuôi cháu H là không phù hợp với thực trạng tình cảm vợ chồng giữa họ vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định về: “Ly hôn theo yêu cầu một bên”.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị T, anh H có 03 con chung là các cháu: Đặng Thanh Đ, sinh ngày 21/02/1997, Đặng Thị Thanh H, sinh ngày 08/07/2009 và Đặng Thanh T, sinh ngày 23/02/2011. Cháu Đ đã trưởng thành có vợ và đã có con, còn 02 cháu H và T hiện nay đang ở với chị T. Mặc dù Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đó là xin được nuôi 02 con chung, anh H vẫn giữ nguyên ý kiến xin được nuôi cháu H. Xét thấy Thực tế cháu H và cháu T đang ở ổn định với chị T; tại biên bản lấy lời khai của cháu H (BL; 71) theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: Xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên trên 07 tuổi thể hiện: Cháu H xin được ở với chị T, trường hợp Tòa án giao cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng thì cháu H cũng không ở với anh H; bản thân cháu H là con gái trong sinh hoạt cá nhân hằng ngày cần có sự chỉ bảo của người mẹ hơn; kết quả xác minh tại địa phương (BL 68, 69) thể hiện các con chung của chị T, anh H được chị T chăm sóc chu đáo, bản thân chị T không có vi phạm về nghĩa vụ của người mẹ đối với các con; hằng ngày các cháu được đi học bằng xe ô tô do các bậc phụ huynh đóng góp thuê xe để đưa đón các cháu đi học; để đảm bảo ổn định về tâm lý và sự phát triển về mọi mặt của các con chung của chị T anh H, cần tiếp tục giao 02 con chung chưa đủ 18 tuổi của chị T, anh H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh H thực hiện các quyền nghĩa vụ chăm sóc các con chung của mình đối với người không trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật là hoàn toàn hợp pháp và không làm mất đi quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với các con của mình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy không phải đặt ra giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau này có sự thay đổi về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của các con chung của chị T, anh H và các bên đương sự có yêu cầu thì theo quy định của pháp luật sẽ được Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

Về tài sản chung: Ngày 11/4/2017 chị T có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng và nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật, nhưng ngày 12/4/2017 chị T lại rút yêu cầu về việc

chia tài sản chung, vì vậy cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

Về công nợ chung: Các đương sự xác định đã giải quyết xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền sử dụng đất canh tác chung: Các đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ly hôn chị T đã nộp; án phí chia tài sản chung: Do chị T rút yêu cầu về việc chia tài sản chung do vậy chị T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung chị T đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Các điều: 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T về việc : Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng chị Bùi Thị T và anh Đặng Thanh H khi ly hôn.

2. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Đặng Thanh H;

3. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung chưa đủ 18 tuổi hiện nay đang ở với chị T là các cháu Đặng Thị Thanh H, sinh ngày 08/07/2009 và cháu Đặng Thanh T, sinh ngày 23/02/2011 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh H.

4. Công nợ chung - Quyền sử dụng đất canh tác chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không có.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

- Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ly hôn chị T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000401 ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự. Như vậy chị T không phải nộp tiền án phí ly hôn nữa;

- Án phí chia tài sản chung: Hoàn lại cho chị Bùi Thị T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung chị T đã nộp là 3.000.000 (Ba triệu) đồng, theo biên lai thu số 0000415 ngày 11/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

6. Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã G và xã P;
- Lưu HS./.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

LÃ THỊ KHUY